

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/HS-ST

Ngày: 31-7-2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Hồng Nhật; Ông Đặng Xuân Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2018/HSST ngày 06 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2018/QĐXXST-HS ngày 17/7/2018, đối với bị cáo:

Trần Thị H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1985; giới tính: Nữ; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Trần Văn M, sinh năm 1954 và con bà Trần Thị P, sinh năm 1954; cùng trú tại: Xã K, huyện V, tỉnh Thái Bình; gia đình bị cáo có 6 chị em, bị cáo là con thứ 5; chồng: Nguyễn Văn R, sinh năm 1973; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2011; cùng trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo bị tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1973, trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình (là chồng của bị cáo, có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Bùi Xuân S – Luật sư – Văn phòng Luật sư Y và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình (có mặt).

- Bị hại: Chị Đào Thị N, sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã G, huyện V, tỉnh Thái Bình (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Xuân B, sinh năm 1961, trú tại: Thôn C, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Ông Đoàn Thanh X, sinh năm 1957, trú tại: Thôn Q, xã G, huyện V, tỉnh Thái Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị H là công nhân làm việc tại Công ty nhựa Cotec, địa chỉ tại lô E4-E5, khu công nghiệp D, thành phố T. Buổi sáng ngày 25/12/2017, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, biển số 29M3-1595 đến Công ty để làm việc. Khi mang xe vào cổng Công ty thì lực lượng bảo vệ phát cho H chiếc vé và ghi số vé vào xe mô tô, mang xe vào lán để thì H phát hiện bảo vệ Công ty đã phát thừa 01 chiếc vé có số là “637” (do 02 chiếc vé bị kẹp, dính vào nhau), H đã cất chiếc vé xe được phát thừa đó rồi đi vào công ty để làm việc. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 26/12/2017, H điều khiển xe mô tô biển số 29M3-1595 đến Công ty để làm việc. Khi vào đến cổng thì bảo vệ phát cho H chiếc vé xe số “214”, mang xe vào lán để thì H nhìn thấy chị Đào Thị N (cũng là công nhân của công ty) cùng dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu xám- đen, biển số 17B2-288.41 vào lán và để cạnh xe của H. Quan sát thấy chiếc xe còn mới H đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô để sử dụng. Khi chị N đi vào xưởng sản xuất, H đã dắt chiếc xe mô tô của chị N ra phía cổng công ty. Lúc này, ở phía cổng công ty có rất nhiều công nhân đến làm việc đang chờ gửi xe, H lấy chiếc vé xe số “637” đã nhận được từ hôm trước ra và đưa cho ông Trần Xuân B (là bảo vệ của công ty) và nói: “Cho cháu ra Công ty Trái Đất Xanh mua đồ ăn” do có rất nhiều công nhân cùng mang xe vào qua cổng nên ông B nhận chiếc vé H đưa mà không kiểm tra số ghi trên xe và không xóa số, H tiếp tục dắt xe ra ngoài cổng, ông B nghi ngờ và đã gọi H dắt xe quay lại để kiểm tra số vé ghi trên xe mô tô. Thấy vé và số ghi trên xe mô tô không trùng khớp, H không xuất trình được giấy tờ xe nên lực lượng bảo vệ công ty đã báo cáo sự việc với Cơ quan Công an để giải quyết. Tại Cơ quan điều tra Trần Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 67/KLĐG – CATP ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Chiếc xe máy Honda Airblade, màu xám đen, biển số 17B2-288.41 đã qua sử dụng có trị giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Trong quá trình điều tra, bị cáo có biểu hiện mắc bệnh tâm thần, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y về tình trạng tâm thần đối

với Trần Thị H. Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 130/KLGD ngày 09/5/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: “Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị can Trần Thị H có biểu hiện các rối loạn phân ly. Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tại thời điểm giám định bị can có biểu hiện phản ứng hỗn hợp lo âu và trầm cảm, trên người có các biểu hiện rối loạn phân ly. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F43.22/F44. Bị can bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”.

Cáo trạng số 109/CT-VKSNDTP ngày 05/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Trần Thị H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Về hình phạt: Áp dụng điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 50; điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015: Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị H mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- + Tịch thu tiêu hủy 03 chiếc vé xe số “637”, “214” và “762”.

- + Chấp nhận việc Cơ quan điều tra tách 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xanh, biển số 29M3-1595 thu giữ của bị cáo để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không tranh luận gì.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì về tội danh đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo để cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Người đại diện hợp pháp của bị cáo cam kết sẽ phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Bị hại không có ý kiến gì về tội danh đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại nơi cư trú.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình và Điều tra viên; Cửa Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Biên bản quản lý vật chứng (bút lục số 65-67); bản kết luận định giá tài sản số 67/KLĐG-CATP ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự (bút lục số 64); đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại là chị Đào Thị N (bút lục số 42-47); biên bản ghi lời khai của người làm chứng là ông Trần Xuân B và ông Đoàn Thanh X (bút lục số 50-57). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 26/12/2018, tại Công ty nhựa Cotec, địa chỉ tại lô E4-E5, khu công nghiệp D, thành phố T, Trần Thị H đã lợi dụng thời điểm cổng công ty có rất đông người đang mang xe vào công ty để gửi, lực lượng bảo vệ sơ hở không kiểm soát được nên đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu xám đen, biển số 17B2-288.41 của chị Đào Thị N (chiếc xe chị N để tại lán xe của công ty Cotec). Khi H vừa dắt xe ra bên ngoài cổng công

ty thì bị lực lượng bảo vệ phát hiện thu giữ vật chứng, trị giá tài sản mà Trần Thị H trộm cắp là 30.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 138 Bộ luật Hình sự: Tội “Trộm cắp tài sản” quy định: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*.

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, an ninh xã hội, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho các chủ tài sản trong việc bảo quản tài sản của mình. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo Trần Thị H có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức nên được các hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm s, i khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu xám đen, biển kiểm soát 17B2-288.41 mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị Đào Thị N là chủ sở hữu, cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho chị Đào Thị N, chị N đã nhận lại chiếc xe trong tình trạng còn nguyên vẹn, không có ý kiến, đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xanh, biển kiểm soát 29M3-1595 cơ quan điều tra quản lý của bị cáo H hiện chưa xác định được nguồn gốc nên cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau là phù hợp cần chấp nhận. Đối với 03 chiếc vé xe số “637”, “214” và “762” cơ quan điều tra quản lý của bị cáo và bị hại không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú) nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65; điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điều 106; điều 135; điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

1. Về tội danh: Bị cáo Trần Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị H **01** (một) năm **03** (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/7/2018.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy 03 chiếc vé xe số “637”, “214” và “762”.

(Vật chứng nêu trên cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T ngày 05/7/2018).

3.2. Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình tách chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xanh, biển kiểm soát 29M3-1595 quản lý của bị cáo H để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/7/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP.Thái Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người ĐDHP của bị cáo;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- CQTHAHS CATP.Thái Bình;
- CQĐT CATP.Thái Bình;
- UBND xã Tân Lập, h.Vũ Thư;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái